



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Vật lý đại cương A2 (02204) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp DH07OT (Nhóm Thi) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 14/06/08 Giờ thi: 12g15 - 90 phút Phòng thi TV201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Từ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07154051	TRẦN ĐỨC	ANH	01/03/89		2	hai
2	07154050	TRƯƠNG BẢO	ANH	23/02/89		3	ba
3	07154001	LÂM QUỐC	BẢO	04/05/87		4	bốn
4	07154053	NGUYỄN TUẤN	BÌNH	02/05/87		7	bảy
5	07154002	NGUYỄN TRƯỜNG	CANG	29/01/89		2	hai
6	07154054	LÊ DƯƠNG ĐÌNH	CHƯƠNG	22/04/86		2	hai
7	07154003	THÁI SỬ	CƠ	1 / 89		3	ba
8	07154004	HÀ QUỐC	CƯƠNG	19/10/86		3	ba
9	07154005	NGUYỄN TẤN	DIỆP	17/07/89		3	ba
10	07154006	NGUYỄN QUỐC	DŨNG	01/02/89		2	hai
11	07154056	LÊ ANH	DUY	06/12/86			đúng
12	07154057	NGUYỄN VĂN	ĐẠI	06/11/89		4	bốn
13	07154008	PHẠM THÀNH	ĐẠI	01/01/89		4	bốn
14	07154009	TRẦN QUỐC	ĐẠT	15/02/89		4	bốn
15	07154010	ĐÌNH VĂN	ĐỆ	22/08/89		3	ba
16	07154058	TÀO VĂN	ĐỆ	21/02/89		4	bốn
17	07154011	TRẦN QUỐC	ĐÌNH	15/02/89		5	năm
18	07154012	LÊ ĐÌNH	HÀ	20/06/89		2	hai
19	07154015	LÂM VINH	HẢI	04/04/88		3	ba
20	07154013	NGUYỄN NGỌC	HẢI	25/04/89		4	bốn
21	07154059	TRẦN VINH	HẢO	27/08/89		3	ba
22	07154060	ĐỖ ĐÌNH	HÒA	15/01/89		3	ba
23	07151012	NGUYỄN QUỐC	HÒA	25/11/87		3	ba
24	07154016	NGUYỄN CHÍ	HỘI	09/07/89		3	ba
25	07154061	ĐỖ BÀ	HÙNG	05/03/89		4	bốn
26	07154062	NGUYỄN HỒ TIẾN	HÙNG	01/10/89		3	ba
27	07154017	NGUYỄN TẤN	HƯNG	24/03/89		3	ba
28	07124045	VŨ ĐÌNH	KHAI	11/07/87		4	bốn
29	07154063	ĐỖ THANH	KIỆM	24/07/88		4	bốn
30	07154018	VÕ NHƯ	LAI	24/07/88		7	bảy
31	07154019	NGUYỄN HOÀNG	LÂM	25/04/89		8	tám
32	07154064	PHẠM QUANG	LIÊM	10/12/85		3	ba
33	07154020	LINH VĂN	LỢI	21/10/88		6	sáu
34	07154021	VŨ THÀNH	LUÂN	28/06/89		4	bốn
35	07154022	PHẠM VĂN	LUẬN	20/10/89		3	ba
36	07154023	NGUYỄN TẤN	LỤC	16/06/88		3	ba

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học Vật lý đại cương A2 (02204) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi Lớp DH07OT (Nhóm Thi) - Tổ 001 - Đợt 2

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	SốTô	Chữ ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07154066	NGUYỄN NGỌC MINH	26/01/89			4	hợp
38	07154024	HỒ HOÀNG	17/11/89				Vắng
39	07154067	HUỲNH VĂN	20/03/89		Nam	4	bôn
40	07154068	VŨ QUANG	NGHĨA	02/01/90	Cung	2	hai
41	07154069	NGUYỄN THÁI	NHẬT	13/04/89		3	ba
42	07154070	PHẠM HUỲNH	NIỆM	30/03/89	ph	3	ba
43	07154071	NGUYỄN VĂN	NIÊN	26/10/87		4	bôn
44	07154025	HOÀNG TIẾN	PHÚ	28/03/89	ph	5	năm
45	07154072	NGUYỄN DANH	PHÚ	21/12/88	ph	5	năm
46	07154026	NGÔ VĂN	PHÚC	18/10/88	ph	6	năm
47	07154097	PHẠM HỮU	PHƯỚC	10/02/88	ph	6	sáu
48	07154029	ĐINH VĂN	QUANG	15/05/88	Đ	6	sáu
49	07154027	TRẦN MINH	QUANG	01/01/89	Tr	6	sáu
50	07154028	TRẦN THANH	QUANG	1 / 87	Tr	5	năm
51	07154073	NGÔ ĐÌNH	QUỐC	02/09/89	Đ	5	năm
52	07154030	NGUYỄN LÊ PHÚ	QUÝ	15/12/89	l	3	ba
53	07154074	NGUYỄN NGỌC	QUÝ	26/07/88	Ng	4	bôn
54	07154075	LÝ CHÍ	QUYÊN	24/04/88	Ch	7	bảy
55	07154031	NGUYỄN MINH	SANG	26/05/89	Min	4	bôn
56	07154032	ĐINH VĂN	SOÀN	23/04/89	Đ	3	ba
57	07154033	TRẦN THẾ	SONG	07/07/88	Th	2	hai
58	07154077	NGUYỄN THÀNH	SON	13/06/88	Th	4	bôn
59	07154076	PHẠM HẢI	SON	20/09/88	Ph	4	bôn
60	07154034	NGUYỄN MINH	TÀI	21/02/89	Min	4	bôn
61	07154078	PHAN MINH	TÀI	03/02/89	Ph	3	ba
62	07154035	TRƯƠNG TẤN	TÀI	10/10/87	Tr	3	ba
63	07154036	NGUYỄN THUẬN	TÂM	18/08/89			Vắng
64	07154079	BÙI HỒNG	TÂN	18/01/84	B	3	ba
65	07154080	BÙI QUANG	TÂN	02/01/89	B	6	sáu
66	07154037	TRỊNH ĐO THẠNH	THÁI	21/10/89	Tr	3	ba
67	07154038	NGUYỄN ĐỨC	THANH	01/03/89	Đ	3	ba
68	07154083	NGUYỄN QUỐC	THANH	20/02/89	Q	3	ba
69	07154084	ĐẶNG TIẾN	THẮNG	24/02/89	Đ	3	ba
70	07154085	ĐÀO VĂN	THÂN	04/05/88	Đ	3	ba
71	07154039	LÊ DƯƠNG PHƯỚC	THỊNH	26/06/87	L	3	ba
72	07154040	PHẠM HÙNG	THUẬN	04/03/89	Ph	3	ba
73	07154086	LÊ MINH	THỨC	16/02/89	L	4	hai
74	07154041	ĐỖ XUÂN	THƯƠNG	05/03/88	Đ	4	bôn

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học: Vật lý đại cương A2 (02204) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp DH070T (Nhóm Thi) - Tổ 001 - Đợt 2

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
75	07154087	ĐỖ LƯU	TIẾN	18/12/89		5	năm
76	07154042	LÊ SƠN	TÔNG	06/03/89		3	ba
77	07154088	NGUYỄN VIỆT	TRUNG	20/06/87		5	năm
78	07154043	TRƯƠNG HOÀNG	TRUNG	25/05/89		6	sáu
79	07154089	TRẦN HỮU	TRƯỜNG	15/02/89		5	năm
80	07154044	PHẠM THANH	TÚ	06/05/88		3	ba
81	07154090	NGUYỄN	TUÂN	06/01/89		4	bốn
82	07154045	NGUYỄN HOÀNG NHẬT	TUẤN	21/12/89		3	ba
83	07154046	NGUYỄN THIÊN	TUẤN	09/03/88		3	ba
84	07154095	TRẦN VĂN	TUẤN	12/07/86		4	bốn
85	07154096	TRIỆU THANH	TÙNG	21/04/87		6	sáu
86	07154092	VÕ BÀ	TÙNG	12/09/88			Võ
87	07154093	PHẠM VĂN	TUYẾN	28/10/85		5	năm
88	07154047	NGUYỄN CHỈ	VEN	/ /89		4	bốn
89	07154048	ĐẶNG	VINH	02/04/89		4	bốn

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Số sinh viên dự thi: 85 Số bài: 83 Số tờ: 86

Ngày 14 tháng 06 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 *Trần Văn*

Cán bộ coi thi 2 *Trần Văn*

Xác nhận của bộ môn *Trần Văn*

Cán bộ chấm thi 1 *Trần Văn*

Cán bộ chấm thi 2



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Vật lý đại cương A2 (02204) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp DH07DT (Nhóm Thi) - Tổ 002 - Đợt 2
Ngày Thi: 14/06/08 Giờ thi: 12g15 - 90 phút Phòng thi TV103

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07130066	NGUYỄN NGỌC LĨNH	13/11/89		<i>[Signature]</i>	3	ba
2	07130067	HÀ THỊ PHUNG	25/01/89		<i>[Signature]</i>	4	bốn
3	07130069	PHAN NGUYỄN PHI	05/09/88				✓
4	07130070	PHẠM MINH LUÂN	13/09/88		<i>[Signature]</i>	2	hai
5	07130071	ĐẶNG KHÁC LUẬN	20/10/89		<i>[Signature]</i>	4	bốn
6	07130072	NGUYỄN ĐÌNH LUẬT	20/09/89		<i>[Signature]</i>	3	ba
7	07130073	NGUYỄN THỊ THÚY LỮ	12/10/88		<i>[Signature]</i>	5	năm
8	07130074	NGUYỄN ĐÌNH LỰC	25/12/89		<i>[Signature]</i>	3	ba
9	07130075	VÕ VĂN LƯỢT	19/05/89		<i>[Signature]</i>	8	tám
10	07130076	THẦN TRỌNG MINH	14/01/89		<i>[Signature]</i>	4	bốn
11	07130078	LÊ TRẦN NAM	01/01/89		<i>[Signature]</i>	3	ba
12	07130079	LÊ VĂN NAM	15/03/89		<i>[Signature]</i>	5	năm
13	07130080	PHẠM VĂN NAM	02/01/88		<i>[Signature]</i>	4	bốn
14	07130077	TRẦN HOÀI NAM	27/09/88		<i>[Signature]</i>	2	hai
15	07130082	NGUYỄN TÚ NGHĨA	28/09/86		<i>[Signature]</i>	4	bốn
16	07130083	PHẠM VĂN NGOAN	08/02/88		<i>[Signature]</i>	4	bốn
17	07130084	PHẠM HUỖNH HOÀNG NGUYỄN	06/11/89				✓
18	07130085	NGUYỄN THÀNH NGUNG	08/08/88		<i>[Signature]</i>	4	bốn
19	07130086	LÊ THÀNH NHÂN	15/09/89		<i>[Signature]</i>	7	bảy
20	07130152	K' BOU ĐA LỊCH NHI	13/10/88		<i>[Signature]</i>	4	bốn
21	07130087	NGUYỄN HỒ YẾN NHI	22/10/89		<i>[Signature]</i>	6	sáu
22	07130089	TẠ TẤN PHÁP	24/02/89		<i>[Signature]</i>	8	tám
23	07130090	TRẦN KHẮC PHI	22/09/89		<i>[Signature]</i>	3	ba
24	07115031	NGUYỄN ĐỨC PHÚ	20/04/89		<i>[Signature]</i>	2	hai
25	07130091	TRẦN PHÚ	10/02/89		<i>[Signature]</i>	6	sáu
26	07130093	ĐÌNH VINH PHÚC	03/08/89		<i>[Signature]</i>	8	tám
27	07130092	NGUYỄN THIÊN PHÚC	22/08/87		<i>[Signature]</i>	5	năm
28	07130094	NGUYỄN TẤN PHƯỚC	14/07/89		<i>[Signature]</i>	3	ba
29	07130096	LÊ THỊ PHƯƠNG	20/03/89		<i>[Signature]</i>	6	sáu
30	07130097	LÊ TRẦN PHƯƠNG	11/11/89				✓
31	07130095	NGUYỄN THỊ DIỆU PHƯƠNG	25/05/88		<i>[Signature]</i>	5	năm
32	07130098	TRẦN VĂN PHƯƠNG	1 / 89		<i>[Signature]</i>	6	sáu
33	06130066	PHẠM LÊ PHƯƠNG	15/04/84		<i>[Signature]</i>	4	bốn
34	07130099	NGÔ QUANG	15/10/89		<i>[Signature]</i>	3	ba
35	07130100	NGUYỄN MINH QUÂN	07/12/88		<i>[Signature]</i>	5	năm
36	07130101	TRỊNH VĂN QUI	04/01/87		<i>[Signature]</i>	4	bốn

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học Vật lý đại cương A2 (02204) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi Lớp DH07/DT (Nhóm Thi) - Tổ 002 - Đợt 2

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07130102	CAO VĂN QUỲ	10/12/89		<i>Qu</i>	6	sâu
38	07130103	PHAN THỊ NGỌC QUYÊN	09/08/88		<i>nguy</i>	5	năm
39	07130104	PHẠM NHƯ QUYẾT	30/11/88		<i>CS2</i>	3	ba
40	07130105	NGUYỄN HỮU SÁNG	22/02/89		<i>Sang</i>	8	tám
41	07130106	TRẦN VĂN SẮC	10/12/88		<i>Sac</i>	4	bốn
42	07130107	HUYỄN NHẤT SINH	20/02/89		<i>Sin</i>	5	năm
43	07130153	THẠCH SONG	08/10/87		<i>Tha</i>	6	sáu
44	07130108	NGUYỄN HOÀNG SƠN	04/12/89		<i>Ho</i>	7	bảy
45	07130109	NGUYỄN VŨ THANH SƠN	29/03/89		<i>Son</i>	4	bốn
46	07130111	LÊ TẤN TÀI	09/11/86		<i>tal</i>	5	năm
47	07130110	TRINH NHƯ TÀI	24/07/89		<i>nhu</i>	5	năm
48	07130112	TRINH ĐỨC TÂM	30/04/89		<i>Tha</i>	6	sáu
49	07130113	NGUYỄN VŨ HOÀNG TÂN	30/07/89		<i>Ho</i>	4	bốn
50	07130114	PHẠM MINH THÀNH	18/11/89		<i>Pha</i>	4	bốn
51	07130115	LÊ MINH THẢO	04/02/85		<i>leminhthao</i>	5	năm
52	07130116	NGUYỄN TRỌNG THẢO	19/07/89				
53	07130117	CHÂU THANH THẮNG	20/10/88		<i>Thanh</i>	6	sáu
54	07130118	PHẠM VĂN THẮNG	12/08/89		<i>Pha</i>	4	bốn
55	07130120	ĐỖ PHƯỚC THỊNH	18/09/89		<i>Phu</i>	6	sáu
56	06130382	HUYỄN MINH THUẬN	10/04/88		<i>huan</i>	6	sáu
57	07130121	NGUYỄN ĐỨC THUẬN	03/06/89		<i>Thua</i>	5	năm
58	07130122	NGUYỄN THỊ BÍCH THÙY	28/06/89		<i>ngthuy</i>	9	chín
59	07130123	DƯƠNG THỊ HỒNG THÚY	23/12/89		<i>Thuy</i>	5	năm
60	07130125	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	20/01/89		<i>Th</i>	4	bốn
61	07130126	NGUYỄN VĂN TÍCH	26/02/87		<i>Tich</i>	4	bốn
62	07130127	NGUYỄN NGỌC TIẾN	26/05/89		<i>Th</i>	5	năm
63	07130128	NGUYỄN NHẬT TIẾN	03/08/87		<i>Tha</i>	5	năm
64	07130129	TÔ THỊ THỦY TRANG	19/09/89		<i>Thuy</i>	6	sáu
65	07130131	TRẦN MINH TRÍ	06/01/89		<i>Th</i>	5	năm
66	07130132	THÁN MINH TRIẾT	06/11/88		<i>Tha</i>	5	năm
67	07130133	PHAN MINH TRIỆU	06/07/89		<i>Tha</i>	6	sáu
68	07130134	NGUYỄN LÊ KHÁNH TRÌNH	11/12/88		<i>minh</i>	4	bốn
69	07130135	NGUYỄN VĂN TRÌNH	10/06/89		<i>Tha</i>	4	bốn
70	07130136	ĐOÀN BẢO TRUNG	01/12/89		<i>Tha</i>	5	năm
71	07130137	NGUYỄN HUỲNH NAM TRUNG	02/05/89		<i>ngthuy</i>	6	sáu
72	07130138	NGUYỄN VĂN TÚ	15/10/87		<i>Tha</i>	5	năm
73	07130140	NGUYỄN MINH TUẤN	04/06/89		<i>Tha</i>	3	ba
74	07118029	TRẦN TUẤN	13/10/88		<i>Tha</i>	4	bốn

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học: Vật lý đại cương A2 (02204) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp DH07DT (Nhóm Thi) - Tổ 002 - Đợt 2

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	SốTờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
75	07130142	LÊ NHẬT TÙNG	11/07/89			5	năm
76	07130141	NGUYỄN DƯƠNG TÙNG	01/10/89			4	bảy
77	07130143	LÊ NGỌC TUYẾN	05/08/88			4	bảy
78	07130144	HỒ THỊ MỸ UYÊN	15/12/88			7	bảy
79	07130145	NGUYỄN TUẤN VINH	02/12/88			3	bảy
80	07130147	NGUYỄN THUY VY	30/05/89			6	sáu
81	07130149	PHAN NGỌC YẾN	17/07/89			6	sáu

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 77 Số bài: 77 Số tờ: 82

Ngày 14 tháng 06 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Trần Lan



Đại học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Vật lý đại cương A2 (02204) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp DH07DT (Nhóm Thi) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 14/06/08 Giờ thi: 12g15 - 90 phút Phòng thi TV102

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tổ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07130001	TRẦN VĂN AN	01/08/89		<i>W</i>	4	bốn
2	07130002	ĐÌNH NGỌC ANH	28/08/86		<i>ĐNH</i>	3	ba
3	06130102	HOÀNG NGỌC ANH	08/11/87		<i>A2</i>	5	năm
4	07130003	TRẦN NGỌC ANH	17/06/89		<i>ĐNH</i>	5	năm
5	07130005	HOÀNG THIÊN AN	18/07/89		<i>AN</i>	2	hai
6	07130004	LÊ HỒNG AN	02/08/89				
7	07130006	VÕ MINH BÌNH	26/10/89		<i>Minh</i>	4	bốn
8	07130010	HUYỀN NGỌC CƯỜNG	19/02/89		<i>Cy</i>	4	bốn
9	07130011	NGUYỄN PHÚ CƯỜNG	05/02/89		<i>Cu</i>	4	bốn
10	07130012	NGUYỄN TẤN CƯỜNG	10/09/87		<i>nguy</i>	5	năm
11	07130013	LÊ HỒNG DANH	01/04/89		<i>ĐNH</i>	5	năm
12	07130014	TRẦN HOÀN ĐIỀU	19/09/89		<i>ĐNH</i>	6	sáu
13	07130015	TRẦN THỊ DUNG	17/10/89		<i>dung</i>	3	ba
14	07130016	NGUYỄN VIỆT DŨNG	01/10/88		<i>ĐNH</i>	3	ba
15	07130017	NGUYỄN HỒNG DUY	21/12/89		<i>ĐNH</i>	3	ba
16	07130018	NGUYỄN PHƯƠNG DUY	18/01/89		<i>ĐNH</i>	6	sáu
17	07130019	CHẾ THỊ NGỌC DUYÊN	20/02/89		<i>ĐNH</i>	6	sáu
18	07130021	ĐỒNG TIẾN ĐẠT	10/01/89				
19	07130020	NGUYỄN ĐÌNH ĐẠT	14/03/88		<i>ĐNH</i>	3	ba
20	07130022	NGUYỄN CÔNG ĐẮC	21/10/89		<i>ĐNH</i>	4	bốn
21	07130023	LƯU QUỐC HẢI ĐĂNG	26/10/89				
22	07130024	NGUYỄN THÁI ĐÌNH	06/06/88		<i>ĐNH</i>	4	bốn
23	07130027	ĐỖ THỊ HÀ	30/03/89		<i>Hà</i>	5	năm
24	07130028	LƯU THÚY HÀ	08/09/89		<i>Hà</i>	6	sáu
25	07130029	TÔ XUÂN HẢI	19/05/89		<i>Hà</i>	5	năm
26	07130154	NGUYỄN MINH HẢO	20/05/85		<i>Hà</i>	5	năm
27	07130031	NGUYỄN HỮU HẦU	15/04/89		<i>Hà</i>	5	năm
28	07130032	TRẦN PHÚC HẦU	20/07/87		<i>Hà</i>	4	bốn
29	07130033	TRƯƠNG PHÚC HẦU	17/02/88		<i>Hà</i>	6	sáu
30	07130035	NGUYỄN THẾ HIỂN	05/08/89		<i>Hà</i>	5	năm
31	07130037	MAI XUÂN HIỆP	18/12/89		<i>Hà</i>	2	hai
32	07130036	TRƯƠNG LỢI HIỆP	09/09/89		<i>Hà</i>	5	năm
33	07130039	TRẦN THỊ HOA	14/10/89		<i>Hà</i>	3	ba
34	07130040	HOÀNG ANH HÒA	12/09/89		<i>Hà</i>	2	hai
35	07130041	NGUYỄN THANH HOÀI	06/02/89		<i>Hà</i>	6	sáu
36	07130042	NGUYỄN MẠNH HOÀN	10/02/88		<i>Hà</i>	2	hai
					<i>Hà</i>	3	ba

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học: Vật lý đại cương A2 (02204) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp DH07DT (Nhóm Thi) - Tổ 001 - Đợt 2

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07130043	BÙI MINH	HOÀNG	21/05/87	<i>Huy</i>	5	năm
38	07130044	TRẦN VĂN	HOÀNG	19/11/89	<i>Huy</i>	5	năm
39	07130045	CHÂU ĐỖ KHÁNH	HÙNG	24/04/89	<i>le</i>	0,0	khô
40	07130046	NGUYỄN NGỌC	HÙNG	05/10/88	<i>Ngoc</i>	4	bôn
41	07130047	LÊ QUANG	HUY	13/11/88	<i>Huy</i>	3	ba
42	07130048	LA DUY	HÙNG	10/12/89			✓
43	07130049	LÊ PHƯỚC	HÙNG	26/12/89			✓
44	07130050	NGUYỄN THANH QUỐC	HÙNG	20/05/88			✓
45	07130051	NGUYỄN TRÍ	HỮU	26/01/85	<i>Tru</i>	3	ba
46	07130052	NGUYỄN KHANG	HY	07/10/89	<i>Hy</i>	3	ba
47	07130053	NGÔ VÕ QUỐC	KHANH	01/12/89	<i>Ngô</i>	3	ba
48	07130055	HỒ QUANG	KHÁNH	15/08/89	<i>Quang</i>	5	năm
49	07130056	LÊ QUANG	KHÁNH	27/12/89	<i>Quang</i>	4	bôn
50	07130054	NGUYỄN DUY	KHÁNH	18/10/88	<i>Khánh</i>	0,0	khô
51	07130057	PHAN TRỌNG	KHIÊM	05/07/89	<i>Phan</i>	4	bôn
52	07130058	NGUYỄN ĐẮC	KHOA	24/10/89	<i>Đắc</i>	6	sáu
53	07130060	NGUYỄN MINH	KHOA	26/05/89	<i>Minh</i>	4	bôn
54	07130061	TRẦN ANH	KHÔI	02/03/89	<i>Anh</i>	4	bôn
55	07130062	TRẦN HUY	LAM	18/10/89	<i>Huy</i>	3	ba
56	07130063	BÙI THANH	LIÊM	12/12/88	<i>Thanh</i>	4	bôn
57	07130064	LÊ THỊ KIM	LIÊN	06/02/89	<i>Kim</i>	7	bảy
58	07130065	ĐẶNG ĐỖ	LIN	27/11/89	<i>Đặng</i>	4	bôn
59	07130151	DƯƠNG THỊ MỸ	LINH	16/04/89			✓

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 52 Số bài: 52 Số tờ: 53

Ngày 14 tháng 06 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 Ng T. Đạt

Cán bộ coi thi 2 Phan Hồng Trâm Liên

Xác nhận của bộ môn Tran

Cán bộ chấm thi 1 Tran

Cán bộ chấm thi 2 _____

Phan Trâm Liên

Tran



Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Vật lý đại cương A2 (02204) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp DH07TD (Nhóm Thi) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 14/06/08 Giờ thi: 12g15 - 90 phút Phòng thi TV302

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07138001	PHẠM DUY	AN	19/01/89		4	bốn
2	07119008	DƯƠNG NGỌC QUỐC	ANH	27/10/89		4	bốn
3	07138002	TRẦN VỸ	ANH	07/05/85		4	bốn
4	07138018	LÊ QUỐC	CÁNH	15/12/89		4	bốn
5	07138019	NGUYỄN THANH	CÁNH	25/10/88		5	năm
6	07138003	LÊ HOÀNG	CHÂU	26/10/89		3	ba
7	07138004	TRẦN CÔNG	DANH	06/02/89		4	bốn
8	07138020	HUYỀN CÔNG	DÂN	01/02/89		1	một
9	07138021	LÊ ANH	DŨNG	02/09/88		3	ba
10	07138022	NGUYỄN ANH	DŨNG	06/06/88		4	bốn
11	07138005	TRƯƠNG VIỆT	ĐỨC	28/02/89		2	hai
12	07138024	PHẠM ĐỨC	HIỆP	15/08/89		4	bốn
13	07138025	NGÔ TRÍ	HIẾU	20/03/89		5	năm
14	07138026	NGUYỄN TRÍ	HIẾU	22/04/89		✓	
15	07138027	NGUYỄN THÁI	HOÀNG	26/03/89		2	hai
16	07138006	NGUYỄN BÀ	HÙNG	15/08/84		3	ba
17	07138031	NGUYỄN QUỐC	KHAI	20/01/89		3	ba
18	07138030	TRẦN QUANG	KHAI	10/11/88		2	hai
19	07138032	NGUYỄN VĂN THÀNH	LINH	26/10/87		2	hai
20	07138033	NGUYỄN MINH	LONG	18/09/88		4	bốn
21	07138034	LÊ NGỌC MINH	LỘC	01/01/89		3	ba
22	07138035	BÙI VĂN	LỢI	03/03/85		5	năm
23	07138007	NGUYỄN VIỆT	LUẬN	19/06/88		4	bốn
24	07138036	BÙI CÔNG	LỤC	26/02/86		1	một
25	07138037	KIẾN NGỌC	LÝ	20/11/87		3	ba
26	07138038	ĐINH VĂN	MINH	08/02/89		2	hai
27	07138008	LƯƠNG HOÀNG	MINH	18/02/89		6	sáu
28	07138009	TRẦN HOÀI	NAM	31/05/89		2	hai
29	07138039	NGUYỄN TUẤN	NGUYỄN	07/09/89		✓	
30	06138037	CAO VĂN	PHONG	1 / 87		2	hai
31	07138040	CÙ NHẬT	PHÚ	20/11/90	phú	6	sáu
32	07138042	PHAN ĐỨC	QUÝ	13/06/88		3	ba
33	07138043	NGUYỄN HOÀNG	SANG	30/11/89		✓	
34	07138044	ĐẶNG HỮU	SONG	07/03/88		3	ba
35	07138010	NGUYỄN TRỌNG	TÂN	14/02/88		6	sáu
36	07138048	ĐINH VĂN	THÁI	12/10/86		✓	

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học: Vật lý đại cương A2 (02204) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp DH07TD (Nhóm Thi) - Tổ 001 - Đợt 2

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07138047	PHẠM NGỌC	THÁI	10/05/88	<i>Cp hoi</i>	4	hoi
38	07138049	PHẠM ĐẠT	THÀNH	22/10/88	<i>cham h</i>	2	hai
39	07138011	VÕ HUY	THỊNH	26/09/89	<i>Thinh</i>	5	nam
40	07138050	NGUYỄN ĐĂNG	THỌ	07/10/88	<i>nguy</i>	3	ba
41	07138051	VŨ KHOA	THỌ	27/07/89	<i>vu</i>	3	ba
42	07138053	TRẦN THỊ THANH	THÚY	24/05/89	<i>tht</i>	4	hoi
43	07138054	LÊ VIỆT	TIẾN	14/04/89	<i>leu</i>	4	hoi
44	07138055	NGUYỄN THỊ HỒNG	TRANG	09/12/87	<i>th</i>	3	ba
45	07138013	LÂM NGUYỄN MINH	TRÍ	09/01/89	<i>xanh</i>	4	hoi
46	07138012	NGUYỄN CAO	TRÍ	09/01/89	<i>tao</i>	5	nam
47	07138056	TRẦN VĂN	TRỌNG	12/11/88	<i>tr</i>	7	bay
48	07138057	LÊ XUÂN	TRƯỜNG	30/09/88	<i>truong</i>	3	ba
49	07138014	NGUYỄN QUỐC	TUẤN	24/08/88	<i>tu</i>	2	hai
50	07138059	TRƯƠNG ĐỨC	TUỆ	11/11/88	<i>truduc</i>	3	ba
51	07138060	LÊ THANH	TÙNG	20/11/88	<i>le</i>	2	hai
52	07138061	VŨ THANH	TÙNG	31/05/86	<i>tu</i>	3	ba
53	07138062	LÝ QUANG	VIÊN	09/09/89	<i>ly</i>	5	nam
54	07138063	NGUYỄN NGỌC	VIỆT	20/11/85	<i>ly</i>	3	ba
55	07138065	TRẦN VĂN	VIỆT	20/12/89	<i>leu</i>	7	bay
56	07138015	ĐĂNG TIẾN	VINH	27/08/89		✓	
57	07138066	TRẦN THANH	VĨNH	06/08/89	<i>tr</i>	5	nam
58	07138067	PHẠM ANH	VŨ	12/02/88	<i>pham</i>	3	ba
59	07138068	PHAN TRUNG	VŨ	20/05/87	<i>phan</i>	4	hoi
60	07138016	NGUYỄN VŨ	XUÂN	08/02/89	<i>nguy</i>	5	nam

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Số sinh viên dự thi: 55 Số bài: 55 Số tờ: 56

Ngày 14 tháng 06 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 all

Ng. Phước Thủy

Cán bộ coi thi 2 ru

Hà Thị Thái Trâm

Xác nhận của bộ môn ru

Cán bộ chấm thi 1 ru

Cán bộ chấm thi 2 ru

Ng. Triều Lan

Tlan



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Vật lý đại cương A2 (02204) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp DH07CD (Nhóm Thi) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 14/06/08 Giờ thi: 12g15 - 90 phút Phòng thi TV101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07153001	TRẦN BÌNH	14/10/89			5	năm
2	07153002	ĐẶNG MINH CHỨC	01/01/89			7	bảy
3	07153003	NGUYỄN QUỐC THÀNH	10/02/89			4	bốn
4	07153004	NGUYỄN CẢNH CỬ	27/09/88			6	sáu
5	07153050	HỒ CHÍ CƯỜNG	05/06/87			3	ba
6	07153005	TRƯƠNG VĂN CƯỜNG	10/11/88			7	bảy
7	07153006	NGUYỄN HỮU DOANH	19/03/89			7	bảy
8	07153008	CAO VĂN TUẤN	10/12/89			4	bốn
9	07153007	LÊ ANH DỨNG	21/05/89			4	bốn
10	07153052	TRẦN QUANG DƯỢC	13/09/87			5	năm
11	07153009	NGUYỄN HẢI DƯƠNG	16/05/89			3	ba
12	07153010	NGUYỄN TIẾN ĐÀI	16/10/89			5	năm
13	07153053	NGUYỄN VĂN ĐẠT	01/03/89			2	hai
14	07153011	HÀ TẤN ĐẮC	13/10/89			2	hai
15	07153012	ĐỖ NGUYỄN ĐÌNH	11/03/88			4	bốn
16	07153013	PHẠM TRƯỞNG GIANG	10/06/89			8	tám
17	07153054	TRẦN HẢI HÀ	08/07/89			4	bốn
18	07153014	HOÀNG THẠCH HAI	03/06/89			2	hai
19	07153055	BÙI CHÍ HẢI	23/10/87			5	năm
20	07153016	NGUYỄN TRUNG HIẾU	17/02/89			4	bốn
21	07153056	PHẠM DỨC HIẾU	01/08/89			3	ba
22	07153057	CẢNH CHÍ HOÀNG	05/08/89			3	ba
23	07153017	PHAN THIÊN HOÀNG	15/03/89			4	bốn
24	07153058	TRẦN VŨ HOÀNG	09/01/88			4	bốn
25	07153018	LÊ TRƯƠNG NAM HÙNG	15/06/89			3	ba
26	07153019	NGUYỄN VĂN HÙNG	19/02/87			4	bốn
27	07153020	NGUYỄN BẢO HUY	30/10/89			2	hai
28	07153021	TRẦN QUANG KHẢI	05/03/88			2	hai
29	07153022	NGUYỄN QUỐC KỶ	11/12/89			3	ba
30	07153061	PHẠM HOÀNG LÂM	04/05/89			5	năm
31	07153062	PHẠM QUANG LĨNH	26/03/88			7	bảy
32	07153023	PHẠM VĂN LONG	04/05/87			7	bảy
33	07153024	DƯƠNG NGỌC THÁNH Q MINH	01/11/89			6	sáu
34	07153063	PHẠM NGỌC MINH	19/09/89			5	năm
35	07153064	NGUYỄN VĂN NGHĨ	25/02/82			4	bốn
36	07153065	NGÔ TIẾN NGHĨ	31/05/87			2	hai

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học: Vật lý đại cương A2 (02204) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp DH07CD (Nhóm Thi) - Tổ 001 - Đợt 2

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Từ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07153025	ĐỖ HOÀNG	NGHIÊM	26/09/89			Vàng
38	07153066	ĐINH HỮU	NHÂN	06/07/89	<i>Đinh Hữu Nhân</i>	2	hạt
39	07153026	NGUYỄN ANH	NHIÊN	11/10/87	<i>Nguyễn Anh Nhiên</i>	1	mặt
40	07153028	NGUYỄN TẤN	PHÁT	02/08/89	<i>Nguyễn Tấn Phát</i>	4	bột
41	07153027	PHẠM ĐÌNH	PHÁT	02/12/89	<i>Phạm Đình Phát</i>	3	bột
42	07153029	LÝ VĂN	PHẦN	05/11/88	<i>Lý Văn Phần</i>	2	hạt
43	07153067	TRƯƠNG QUANG	PHÚ	06/11/88			Vàng
44	07153068	LÊ NGỌC	PHƯƠNG	11/11/89	<i>Lê Ngọc Phương</i>	3	bột
45	07153030	NGUYỄN MINH	PHƯƠNG	20/09/89	<i>Nguyễn Minh Phương</i>	4	bột
46	07153031	LƯU HẢI	QUANG	14/05/89	<i>Lưu Hải Quang</i>	4	bột
47	07153033	NG HOÀNG PHƯƠNG	QUANG	08/08/88	<i>Ng Hoàng Phương Quang</i>	4	bột
48	07153032	PHẠM DUY NHẬT	QUANG	09/10/89	<i>Phạm Duy Nhật Quang</i>	4	bột
49	07153070	NGUYỄN VĂN	QUÝ	08/08/87	<i>Nguyễn Văn Quý</i>	2	Vàng
50	07153071	NGUYỄN VĂN	QUYẾT	23/12/88	<i>Nguyễn Văn Quyết</i>	3	bột
51	07153034	TRẦN THANH	SÁNG	15/10/88	<i>Trần Thanh Sáng</i>	4	bột
52	07153048	K	SỐ	31/12/86	<i>K</i>	3	bột
53	07153073	NGUYỄN ĐỨC	TÀI	27/10/89	<i>Nguyễn Đức Tài</i>	8	tấm
54	07153075	TRỊNH ĐÌNH	THANH	10/05/89	<i>Trịnh Đình Thanh</i>	5	năm
55	07153077	VÕ VĂN	THỊN	04/09/89	<i>Võ Văn Thịn</i>	4	bột
56	07153035	NGUYỄN VĂN	THỬA	17/09/87	<i>Nguyễn Văn Thửa</i>	4	bột
57	07153036	NGUYỄN THÀNH	TÍN	15/06/89	<i>Nguyễn Thành Tín</i>	9	bột
58	07153037	LÊ ĐÔNG SONG	TOÀN	23/10/89	<i>Lê Đông Song Toàn</i>	4	bột
59	07153038	NGUYỄN THANH	TÔNG	04/03/89	<i>Nguyễn Thanh Tông</i>	4	bột
60	07153039	TRẦN VĂN	TỐT	07/05/88	<i>Trần Văn Tốt</i>	3	bột
61	07153040	NGUYỄN MINH	TRÍ	01/04/89	<i>Nguyễn Minh Trí</i>	4	bột
62	07153041	MAI XUÂN	TRIỀU	08/10/89	<i>Mai Xuân Triều</i>	6	sơn
63	07153042	NGUYỄN BÌNH	TRONG	23/10/89	<i>Nguyễn Bình Trong</i>	3	bột
64	07153043	TRẦN THÀNH	TUẦN	07/01/89	<i>Trần Thành Tuần</i>	2	hạt
65	07153044	NGUYỄN THÀNH	TUẦN	23/05/89	<i>Nguyễn Thành Tuần</i>	2	hạt
66	07153045	TRỊNH THẾ	VĨNH	15/09/89	<i>Trịnh Thế Vĩnh</i>	6	sơn
67	07153046	CHÂM RO	XÉT	08/07/87	<i>Châm Ro Xét</i>	3	bột
68	07153047	NGUYỄN TRƯỞNG	XUÂN	22/03/89	<i>Nguyễn Trưởng Xuân</i>		Vàng

an bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 62 Số bài: 62 Số tờ: 62

Ngày 4 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 Vũ Thị Nga

Cán bộ coi thi 2 Phạm Thị V. D.

Xác nhận của bộ môn Tan

Cán bộ chấm thi 1 Tan

Cán bộ chấm thi 2 _____

Ng. Trần Lan

Tan



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Vật lý đại cương A2 (02204) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp DH07CK (Nhóm Thi) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 14/06/08 Giờ thi: 12g15 - 90 phút Phòng thi HD204

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07118021	TRẦN VĂN CHƯÔNG	20/03/88			4	bốn
2	07118022	PHẠM VĂN DƯƠNG	06/03/89			5	năm
3	07118023	LÊ ANH DƯƠNG	18/01/89			8	tám
4	07118002	TRẦN VĂN GIANG	17/05/84			5	năm
5	07118003	ĐỖ ĐÌNH GIÁP	08/08/87			2	hai
6	07118004	ĐÀO VĂN HIỂN	30/10/88			5	năm
7	07118005	TRẦN TIẾN HÙNG	01/01/89			4	bốn
8	07118006	PHẠM NGỌC HÙNG	03/01/88			5	năm
9	07118007	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	01/09/88			✓	
10	07118025	HOÀNG PHÚC LỘC	28/08/88			4	bốn
11	07118008	BÙI HỮU LỢI	19/06/89			3	ba
12	07118009	PHAN VĂN LỢI	08/04/89			2	hai
13	07118010	NGUYỄN THÀNH LUÂN	08/11/87			4	bốn
14	07118026	ĐÀM CẢNH MỪNG	07/04/88			4	bốn
15	07118027	NGUYỄN VĂN NGỌC	28/06/87			✓	
16	07118011	NGUYỄN VĂN NGUYỄN	10/12/89			3	ba
17	07118012	LÊ THÀNH NHÂN	26/03/88			✓	
18	07118013	LÊ MINH NHẬT	18/09/89			6	sáu
19	07118014	NGUYỄN CHƯƠNG PHÚ	07/08/89			3	ba
20	07118015	NGUYỄN HOÀI PHÚ	27/04/88			5	năm
21	07118016	NGUYỄN HỮU PHỤNG	26/02/89			6	sáu
22	07118017	TRẦN VĂN THÁI	13/10/89			4	bốn
23	07118019	LƯU ĐỨC THẮNG	23/05/88			4	bốn
24	07118020	NGUYỄN VĂN TOÀN	18/06/85			6	sáu
25	07118028	NGUYỄN VĂN HOÀNG TRUNG	07/06/89			2	hai
26	07150194	BÙI QUỐC TUẤN	08/08/88			3	ba
27	07118030	TÔ ĐÌNH VƯỢNG	20/06/87			3	ba

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 24 Số bài: 24 Số tờ: 24

Ngày 14 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

BÙI TRANG PHƯƠNG NAM

Xác nhận của bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Xuân Lan

Trần Văn



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Vật lý đại cương A2 (02204) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp DH07CC (Nhóm Thi) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 14/06/08 Giờ thi: 12g15 - 90 phút Phòng thi HD203

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07119009	ĐỖ THANH	BÌNH	18/02/89	Bình	3	ba
2	07119001	LÊ VĂN	CƯỜNG	30/12/88	✓	3	ba
3	07119010	VŨ ĐỨC	CƯỜNG	23/10/89	Đức	2	hai
4	07119011	NGÔ VĂN	DŨNG	20/10/87	Ngô Văn	1	một
5	07119002	NGUYỄN VĂN	DUY	27/11/89	Nguyễn Văn	6	sáu
6	07119030	NGUYỄN	ĐÔNG	10/01/88	Nguyễn	3	ba
7	07119012	DƯƠNG THỊ	HỒNG	06/01/89	Dương Thị	3	ba
8	07119014	ĐÀO TRỌNG KHÁNH	HƯNG	23/12/88	Đào Trọng Khánh	3	ba
9	07119016	NGUYỄN THỊ NGỌC	LÃI	27/03/89	Nguyễn Thị Ngọc	5	năm
10	07119017	VÕ THỊ NGỌC	LỢI	05/11/89	Võ Thị Ngọc	5	năm
11	07119018	NGUYỄN HỒNG	MINH	15/12/89	Nguyễn Hồng	1	một
12	07119019	PHAN TRỌNG	NGHĨA	25/04/89	Phan Trọng	2	hai
13	07119020	PHAN VĂN	NHẬT	10/05/88	Phan Văn	4	bốn
14	07119004	VŨ NGUYỄN QUỲNH	OANH	21/02/88	Vũ Nguyễn Quỳnh	4	bốn
15	07119021	NGUYỄN THỊ NGỌC	SƯƠNG	27/04/88	Nguyễn Thị Ngọc	3	ba
16	07119022	LÊ MINH	TÂM	02/09/88	Lê Minh	5	năm
17	07119023	NGUYỄN CÔNG	THÀNH	18/07/89	Nguyễn Công	2	hai
18	07119005	NGUYỄN THỊ	THO	10/03/87	Nguyễn Thị	4	bốn
19	07119024	NGUYỄN THỊ	THOM	30/09/88	Nguyễn Thị	3	ba
20	07119025	TRẦN THỊ	THU	26/10/89	Trần Thị	5	năm
21	07119006	NGUYỄN QUANG	TRUNG	10/10/88	Nguyễn Quang	3	ba
22	07119026	NGUYỄN ANH	TUẤN	02/11/89	Nguyễn Anh	2	hai
23	07119027	LÊ THANH	TÙNG	02/09/88	Lê Thanh	5	năm

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 21 Số bài: 21 Số tờ: 21

Ngày 14 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 Nguyễn Ngọc Duy

Cán bộ coi thi 2 Trần Thị Anh Tuyết

Xác nhận của bộ môn Trần Thị Anh Tuyết Cán bộ chấm thi 1 Trần Thị Anh Tuyết

Cán bộ chấm thi 2 Trần Thị Anh Tuyết

Nguyễn Thị Anh Tuyết

Trần Thị Anh Tuyết